

ĐÁNH GIÁ SỰ HIỂU BIẾT CỦA BỆNH NHÂN VỀ BỆNH VIÊM LOÉT DẠ DÀY TÁ TRÀNG TẠI KHOA NỘI SOI BỆNH VIỆN TRUNG ƯƠNG HUẾ

Đào Thị Thủy¹, Hồ Đắc Phương Tâm¹, Tôn Thất Thắng¹

TÓM TẮT

Mục tiêu: Đánh giá sự hiểu biết của bệnh nhân và nhận xét cách tự chăm sóc tại nhà của bệnh nhân về bệnh viêm loét dạ dày tá tràng

Phương pháp nghiên cứu: Nhóm nghiên cứu chúng tôi đã tiến hành khảo sát theo phương pháp mô tả cắt ngang trên 150 bệnh nhân đến khám tại khoa Nội Soi BVTW Huế.

Kết quả: Bệnh viêm loét dạ dày tá tràng ở độ tuổi 20-59 chiếm ưu thế, tỷ lệ nữ giới (56,66%) mắc bệnh nhiều hơn nam giới (56,66%). Người bệnh hiểu biết về bệnh viêm loét dạ dày tá tràng qua phương tiện thông tin đại chúng 52%; yếu tố nguy cơ viêm dạ dày tá tràng do chế độ ăn uống 61,33%. Bệnh nhân nhận biết bệnh viêm loét dạ dày tá tràng gây nên biến chứng thủng ổ loét 63,33% và cách tự chăm sóc tại nhà 85,33%.

Kết luận: Nghiên cứu này đã chứng tỏ sự hiểu biết của bệnh nhân về bệnh viêm loét dạ dày tá tràng rất quan trọng, góp phần không nhỏ trong việc điều trị, đồng thời bệnh nhân biết cách tự chăm sóc tại nhà giúp bệnh tiến triển tốt và tránh được các biến chứng có thể xảy ra.

ABSTRACT

ASSESSMENT PATIENTS' UNDERSTANDING ABOUT STOMACH ULCERS AT ENDOSCOPY DEPARTMENT, HUE CENTRAL HOSPITAL

Dao Thi Thuy¹, Ho Dac Phuong Tam¹, Ton That Thang¹

Objective: Assessment patients' understanding and remarking how to take care of the stomach ulcers patients at home.

Methods: Our research team carried on the survey of cross-sectional study on 150 patients examined at the Endoscopy department of Hue Central Hospital.

Results: Stomach ulcers of patients aged 20-59 are predominant, women suffer from this disease much more than men (56.66%). Patients understand about stomach ulcers via media equipment is 52%, risk factors of stomach ulcers due to diet is 61.33%. The patients know stomach ulcers cause implication of breaking the ulcers is 63.33% and the ways to take care of the patient at home is 83.33%.

Conclusions: This study shows patients' understanding about stomach ulcers are very important, it plays an important part in treatment as well as taking care of the patients at home helps the disease improve and avoids application that can occur.

1. Khoa Nội soi, BVTW Huế

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sức khỏe là tài sản quý giá của mỗi con người và toàn xã hội. Cùng với sự phát triển của khoa học và kỹ thuật nhất là trong y học, con người đã và đang tìm ra nhiều giải pháp nhằm nâng cao sức khỏe cho mình. Nhưng bệnh tật không loại trừ ai cả và tỉ lệ mắc bệnh ngày càng gia tăng. Bệnh viêm loét dạ dày tá tràng là một bệnh khá phổ biến ở nước ta cũng như các nước trên thế giới. Nam mắc bệnh nhiều hơn nữ, lứa tuổi mắc bệnh thường từ 20-40 tuy nhiên bệnh có thể gặp ở mọi lứa tuổi. Bệnh viêm loét dạ dày có xu hướng tăng và hiện nay tỉ lệ viêm loét dạ dày/tá tràng là 2/1. Các nguyên nhân dẫn đến viêm loét dạ dày tá tràng như: do yếu tố tâm lý, chế độ ăn uống, hút thuốc lá và do uống nhiều rượu... Viêm loét dạ dày tá tràng không chỉ là một bệnh phổ biến trong các bệnh Tiêu hóa mà nó còn gây ra nhiều biến chứng nguy hiểm và có khi dẫn đến tử vong. Hiện nay có khoảng 10-15% dân chúng trên thế giới bị bệnh viêm loét dạ dày tá tràng.

Các nghiên cứu trong và ngoài nước cho thấy một nguyên nhân khá quan trọng làm cho bệnh tiến triển xấu là do người bệnh thiếu hiểu biết về bệnh để cùng với thầy thuốc chữa bệnh cho mình, khả năng của bệnh nhân về cách tự chăm sóc còn hạn chế.

Để góp phần vào việc chữa bệnh và phòng các biến chứng, chúng tôi tiến hành đề tài này nhằm:

- Đánh giá sự hiểu biết của bệnh nhân về bệnh viêm loét dạ dày tá tràng.
- Nhận xét cách tự chăm sóc của bệnh nhân tại nhà về bệnh viêm dạ dày tá tràng.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

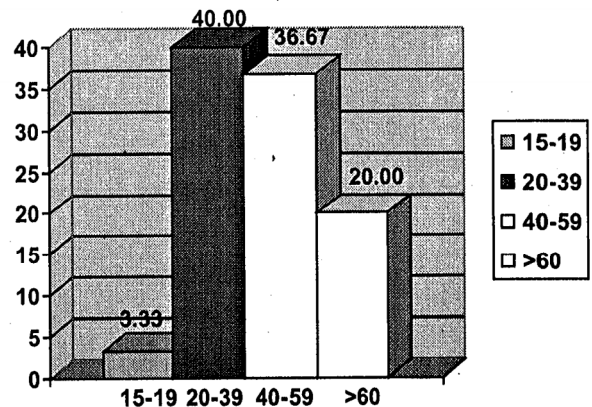
2.1. Đối tượng nghiên cứu: 150 bệnh nhân bị viêm dạ dày tá tràng đến khám tại khoa Nội soi, Bệnh viện Trung ương Huế.

2.2. Phương pháp nghiên cứu: mô tả cắt ngang

- Thời gian nghiên cứu: Từ ngày 7/5/2012 đến ngày 25/5/2012.
- Tiến hành phỏng vấn trực tiếp bệnh nhân dựa vào phiếu điều tra có sẵn.
- Xử lý số liệu theo phương pháp thống kê y học.

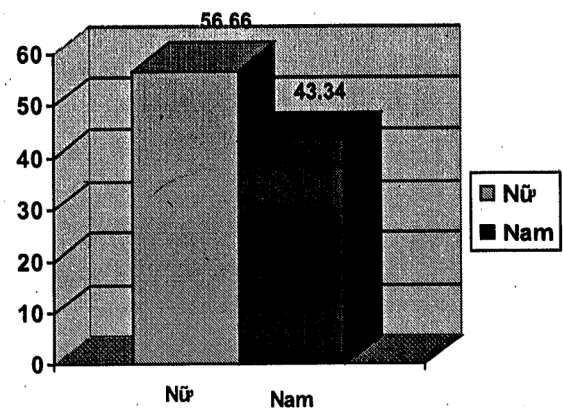
III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Đặc điểm chung của nhóm nghiên cứu



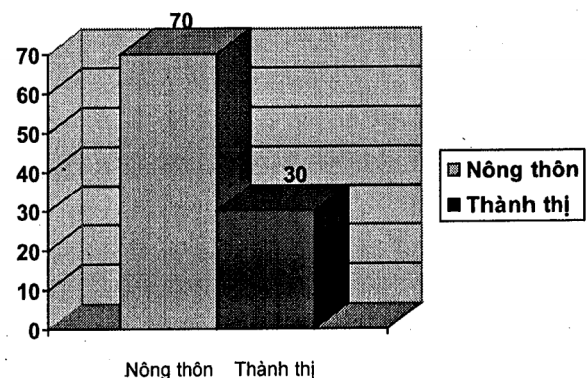
Biểu đồ 1: Phân bố theo tuổi của nhóm nghiên cứu

Nhận xét: Bệnh nhân tuổi từ 19- 59 chiếm tỷ lệ cao hơn bệnh nhân <19 tuổi và >60 tuổi



Biểu đồ 2: Phân bố theo giới của nhóm nghiên cứu

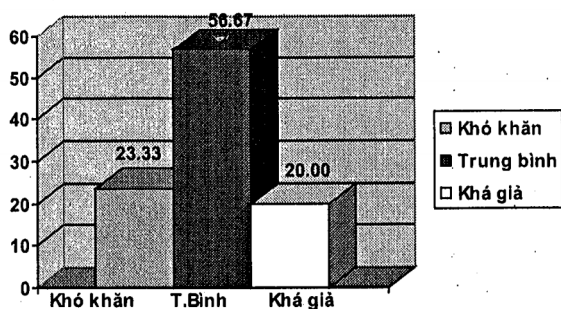
Nhận xét: Nữ mắc bệnh nhiều hơn nam, chiếm 56,66%



Biểu đồ 3: Phân bố theo tình hình địa phương của nhóm nghiên cứu

Nhận xét: Bệnh nhân viêm loét dạ dày tá tràng ở nông thôn nhiều hơn thành thị (70%).

Bệnh viện Trung ương Huế



Biểu đồ 4: Phân bố theo điều kiện kinh tế của nhóm nghiên cứu

Nhận xét: Điều kiện kinh tế của bệnh nhân đa số ở mức trung bình

3.2. Sự hiểu biết của bệnh nhân về bệnh viêm loét dạ dày tá tràng

Bảng 1: Thông tin về bệnh viêm loét dạ dày tá tràng

Thông tin		n	%
Biết	Ti vi	78	52,00
	Truyền thông	20	13,33
	Nhân viên Y tế	17	11,33
	Khác	35	22,34
Không biết		0	0,00

Nhận xét: Người bệnh hiểu biết thông tin về bệnh viêm loét dạ dày tá tràng chủ yếu qua thông tin Tivi, chiếm 52%.

Bảng 2: Nhận thức về yếu tố nguy cơ

Nhận thức	n	%
Di truyền	17	11,33
Chế độ ăn uống	92	61,33
Stress	30	20,00
Khác	11	7,34

Nhận xét: Đa số bệnh nhân hiểu chế độ ăn uống là yếu tố nguy cơ viêm loét dạ dày tá tràng, chiếm 61,33%.

Bảng 3: Nhận thức về cách phát hiện bệnh

Nhận thức	n	%
Đau vùng thượng vị	101	67,33
Đau có liên quan đến ăn uống	125	83,33
Hay ợ hơi, ợ chua	45	30,00
Khác	16	10,66

Nhận xét: Bệnh nhân biết đau có liên quan đến ăn uống chiếm tỷ lệ cao 83,33%.

Bảng 4: Thái độ xử trí của bệnh nhân khi bị viêm dạ dày tá tràng

Thái độ xử lý	n	%
Khám và nhập viện	15	10,00
Tự mua thuốc uống	25	16,67
Điều trị theo đơn của Bác sĩ	81	54,00
Không xử trí gì	29	19,33

Nhận xét: Bệnh nhân uống thuốc theo đơn của Bác sĩ khi có triệu chứng viêm loét dạ dày tá tràng khá cao.

Bảng 5: Số lần bệnh nhân vào khám Nội soi

Số lần khám Nội soi	n	%
Lần I	21	19,33
Lần II	102	54,67
Lần III	27	26,00

Nhận xét: Đa số bệnh nhân vào khám nội soi lần II, chiếm tỷ lệ 54,67%.

Bảng 6: Nhận thức về tác hại của bệnh viêm loét dạ dày tá tràng

Nhận thức	Số lượng	Tỷ lệ%
Thủng ổ loét	95	63,33
Chảy máu tiêu hóa	36	24,00
Hẹp môn vị	5	3,33
Ung thư hóa	14	9,34

Nhận xét: Người bệnh nhận thức về tác hại của bệnh viêm loét dạ dày tá tràng chủ yếu là thủng ổ loét.

Bảng 7: Hiểu biết của bệnh nhân về cách phòng bệnh

Cách phòng bệnh	n	%
Chế độ ăn uống hợp lý	95	63,33
Tránh căng thẳng, stress	39	26,00
Khác	16	10,67

Nhận xét: Đa số bệnh nhân hiểu được chế độ ăn uống hợp lý là để phòng bệnh viêm loét dạ dày tá tràng, chiếm 63,33%.

Bảng 8: Áp dụng những lời giáo dục sức khỏe của nhân viên Y tế để tự chăm sóc tại nhà

Áp dụng	n	%
Có	128	85,33
Không	22	14,67

Nhận xét: Đa số bệnh nhân đã áp dụng những lời giáo dục sức khỏe của nhân viên Y tế để chăm sóc tại nhà, chiếm 85,33%.

IV. BÀN LUẬN

4.1. Đặc điểm chung của nhóm nghiên cứu

Qua khảo sát chúng ta thấy số lượng bệnh nhân nữ mắc bệnh nhiều hơn nam, độ tuổi hay bị từ 20-59. Nhưng ở phần đặt vấn đề tỷ lệ mắc bệnh viêm dạ dày tá tràng ở nam nhiều hơn nữ và thường độ tuổi 20-40. Chúng tôi do đề tài khảo sát 150 bệnh nhân trong thời gian ngắn nên kết quả khảo sát không như tài liệu nói trên.

Phân bố theo địa phương: Tỷ lệ mắc bệnh ở nông thôn chiếm 70% nhiều hơn ở thành phố 30% cho biết người dân ở nông thôn thiếu hiểu biết về bệnh hơn.

Qua biểu đồ 4 đánh giá tình hình kinh tế của người bệnh chủ yếu ở mức trung bình 56,67%, khó khăn 23,33% và khá giả 20% đã đánh giá tình hình kinh tế bệnh nhân chưa được cao, ảnh hưởng trong việc khám và chữa bệnh. Đa số bệnh nhân làm nghề nông và làm thợ nên còn hạn chế về mọi mặt góp phần tăng thêm bệnh viêm loét dạ dày tá tràng.

4.2. Sự hiểu biết của bệnh nhân về bệnh viêm loét dạ dày tá tràng

Người bệnh đã trực tiếp xem Tivi hoặc đọc báo

nên biết thông tin về viêm loét dạ dày tá tràng cao 52%. Trong khi việc tuyên truyền của nhân viên Y tế về Bệnh này chưa tốt 10%. Hơn nữa do điều kiện kinh tế chưa cao nên nhận thức về bệnh còn hạn chế, nhập viện chỉ có 10%, tình trạng tự mua thuốc vẫn còn 16,67%, một số bệnh nhân chưa hiểu việc dùng thuốc không đúng cách, không theo chỉ dẫn của thầy thuốc sẽ đem lại hiệu quả không tốt làm cho bệnh nặng thêm.

Hiểu biết của bệnh nhân về các yếu tố nguy cơ chủ yếu là chế độ ăn uống (chua, cay, nóng, uống nhiều bia rượu...) 61,33%, còn các yếu tố nguy cơ khác người bệnh hiểu biết còn hạn chế.

Đa số bệnh nhân nhận thức về tác hại bệnh viêm loét dạ dày tá tràng là thủng ổ loét 63,33%, biến chứng chảy máu tiêu hóa 24%. Chỉ có một số bệnh nhân ở thành phố, làm cán bộ viên chức đã hiểu được biến chứng của loét dạ dày tá tràng sẽ dẫn đến ung thư hóa hoặc hẹp môn vị.

Người bệnh đã hiểu viêm loét dạ dày tá tràng gây đau có liên quan đến ăn uống chiếm tỉ lệ cao. Họ đã nhận biết tránh ăn các loại gia vị chua cay... sẽ giảm viêm loét dạ dày tá tràng. Song do sở thích và thói quen nên một số bệnh nhân vẫn còn uống rượu, café, thuốc lá... bệnh đã tái lại và đi khám điều trị lần II, III. Vậy khi bệnh nhân đến khám nhân viên Y tế phải giáo dục sức khỏe cho bệnh nhân và người nhà cụ thể, rõ ràng về cách phòng bệnh và cách phát hiện triệu chứng để điều trị kịp thời.

V. KẾT LUẬN

4.1. Đặc điểm chung của nhóm nghiên cứu

- Tỷ lệ viêm loét dạ dày tá tràng ở độ tuổi 20-59 chiếm tỉ lệ cao.
- Tỷ lệ viêm loét dạ dày tá tràng ở nữ giới mắc nhiều hơn nam giới (nữ 56,66%).
- Tỷ lệ viêm loét dạ dày tá tràng ở nông thôn cao, chiếm 70%.
- Điều kiện kinh tế chủ yếu ở mức trung bình 56,67%.

4.2. Sự hiểu biết về bệnh viêm loét dạ dày tá tràng

- 52% người bệnh hiểu biết bệnh viêm dạ dày tá tràng qua phương tiện thông tin đại chúng

Bệnh viện Trung ương Huế

- 61,33% bệnh nhân hiểu yếu tố nguy cơ viêm loét dạ dày tá tràng là do chế độ ăn uống.
- 63,33% bệnh nhân biết được viêm dạ dày tá tràng gây nên biến chứng thủng ổ loét.
- 83,33% người bệnh hiểu biết về cách phát hiện

bệnh là đau có liên quan đến ăn uống.

- 85% bệnh nhân áp dụng lời giáo dục sức khỏe của nhân viên Y tế để tự chăm sóc tại nhà.

Vẫn còn tình trạng tự mua thuốc uống khi có triệu chứng viêm loét dạ dày tá tràng (16,67%).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ môn Điều dưỡng, trường Đại học Y Dược Huế (2008), *Điều dưỡng Nội khoa*, NXB Đại học Huế.
2. Đại học Y Dược Huế (2010), *Bệnh học Nội khoa*, NXB Đại học Huế.
3. Nguyễn Duy Thắng, Tạ Long, Nguyễn Quang Chung, Dương Minh Thắng (2000), *Tổn thương niêm mạc dạ dày tá tràng sau dùng thuốc kháng viêm không steroid (NSAIDS)*, Bệnh viện Trung ương Quân Đội 108.
4. Nguyễn Thanh Bình, KSORO:H YEM, Phạm Tài Phú Vinh (2000), *Tìm hiểu triệu chứng lâm sàng và biến chứng của bệnh viêm loét dạ dày tá tràng*, Luận văn tốt nghiệp Bác sĩ Y khoa khóa 1994-2000, trường Đại học Y Dược Huế.